

Số: 189/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82,83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2018, ngày 31/3/2018 tại UBND phường L, quận Đ (Nay là phường Đ), thành phố H.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 216/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 về việc yêu cầu giải quyết việc thuận tình ly hôn, gồm những người có yêu cầu sau đây:

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1990

Căn cước công dân số: 001090027xxx, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/4/2021.

Nơi ĐKTT : Số 15 ngõ 426 Đường L, phường Đ, thành phố H.

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990

Căn cước công dân số: 001190010xxx, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/4/2021.

Nơi ĐKTT: Tổ 22 M, M, C (nay thuộc phường T, Thành phố H).

Nơi ở hiện tại: Tổ 12 ngõ 39 H, phường T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02/3/2026, các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình, sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị L xây dựng gia đình với nhau năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/3/2018 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ, Thành phố . Thời gian đầu kết hôn anh T, chị L chung sống hạnh phúc, mấy năm trở lại đây anh T, chị L đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù

hợp. Nay anh T, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T, chị L là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[2]. **Về con chung:** Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị L có 02 con chung là cháu Phạm Thành H (Nam), sinh ngày 04/8/2018 và cháu Phạm Anh Q (Nam), sinh ngày 15/10/2023. Ly hôn anh T, chị L thỏa thuận: Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung là 5.000.000 đồng/1 tháng. Mỗi cháu là 2.500.000 đồng/1 tháng.

Xét việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh T, chị L là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[3]. **Về tài sản và nhà ở** (gồm động sản và bất động sản): Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị L không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4]. **Về nợ:** Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. **Về lệ phí:** Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị L thỏa thuận: anh T chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc ly hôn.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2018, ngày 31/3/2018 tại UBND phường L, quận Đ (Nay là phường Đ), thành phố H không còn giá trị pháp luật.

1.2. Về con chung: Xác nhận Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị L có 02 con chung là cháu Phạm Thành H (Nam), sinh ngày 04/8/2018 và cháu Phạm Anh Q (Nam), sinh ngày 15/10/2023. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh T, chị L. Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thành H và Phạm Anh Q. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu Q hàng tháng, mỗi tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Mỗi cháu là 2.500.000 đồng. Việc giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con được thực hiện kể từ tháng 03 năm 2026 cho đến khi hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị L được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung (Động sản, bất động sản): Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị L không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5. Về lệ phí: Anh Phạm Văn T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí anh T đã nộp theo biên lai số 0004649 ngày 27/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Ghi nhận anh T, chị L đã nộp đủ lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội.
- VKSND khu vực 2 – Hà Nội;
- Phòng THA dân sự khu vực 2 – Hà Nội;
- UBND phường Đ, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Hương

